

BẢNG TỔNG HỢP MUA HÀNG TRONG THÁNG (HS BÁN TRÚ)
THANG 09 NAM 2025

Tổng số tiền ăn trong tháng = (TS HS bán trú 396 x 936.000 đồng/HS) = 370.656.000 đồng

STT	Tên mặt hàng	Đơn vị tính	Các ngày trong tháng																															Tổng số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31				
1	Thịt lợn mỡ	Kg															54		54	54					68		62	60,1					63,5		415,6	135.000	56.106.000
2	Thịt lợn xay	Kg															25,6		25,6						25		28						28		132,2	135.000	17.847.000
3	Thịt gà công nghiệp	Kg													84,2	84,2	79,6	84,2	79,6				84	84	68	90,2	75,3				84,1	95	64	1056,4	90.000	95.076.000	
4	Cà rốt phi	Kg														89,4		89,4						88		90						80,6		437,4	85.000	37.179.000	
5	Đậu phụ	Kg																		36,2														36,2	20.000	724.000	
6	Trứng vịt	Quả															498		498		498			496		496		496				496		3478,0	4.000	13.912.000	
7	Cà chua	Kg														19,9		19,9					18			25					18			100,8	20.000	2.016.000	
8	Rau cải	Kg															36	59,9							60,8	64,2						52	272,9	14.000	3.820.600		
9	Bắp cải	Kg												51,9	59,9				36				45,3	57,6			51,8				63,4	59,9		425,8	14.000	5.961.200	
10	Bí đỏ (Bí xanh)	Kg														59,9		59,9	36					56		64,2	51,8					59,9		387,7	14.000	5.427.800	
11	Su su	Kg															36			44					60,8			52,8				52	245,6	14.000	3.438.400		
12	Bột ngọt Vedan	Kg																																3	70.000	210.000	
13	Muối hạt lạt	Kg																																35	5.000	175.000	
14	Gói kho tàu	Gói																																31	7.000	217.000	
15	Nước rửa bát Power 100	Lít																																4	40.000	160.000	
			Cộng tiền mua thực phẩm																																		242.270.000
			Cộng tổng																																		242.270.000

NGƯỜI TỔNG HỢP

Nguyễn Văn A
Vui A Cent

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Mai Xuân Kiên